



CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (84-24) 6281.1281

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Group Bắc Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100979011 ngày 20 tháng 6 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong năm tài chính và đến thời điểm hiện tại, Công ty tập trung chủ yếu vào việc thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư và sử dụng nguồn tiền để đi cho vay. Công ty không phát sinh các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Ủy viên
Ông Đặng Đức Dũng	Ủy viên
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Tsuboi Fuminori	Ủy viên

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Văn Cường	Tổng Giám đốc
Bà Tạ Thu Hằng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Lê Văn Cường

Số : 88./2022/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty Cổ phần Group Bắc Việt có khoản vay bằng VND và USD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Thăng Long (PG Bank) phát sinh từ năm 2011 và Công ty đã hoàn trả phần nợ gốc vay từ các năm trước. Đối với phần lãi vay, trong các năm trước Công ty không ghi nhận chi phí lãi vay trên cơ sở xác định được miễn phần lãi vay dựa trên quá trình làm việc với PG Bank. Tuy nhiên, theo Công văn số 101/2021/TB-PGB-CNTL ngày 17 tháng 9 năm 2021 của PG Bank, Công ty phải trả phần lãi vay tạm tính với số tiền 32.809.884.589 đồng. Cũng theo nội dung trong Công văn, Công ty có thể được giảm một phần lãi vay nếu Công ty thực hiện trả sớm toàn bộ nghĩa vụ nợ khoản vay theo lãi suất huy động tại PG Bank theo từng thời kỳ. Căn cứ theo Biên bản họp số 10.02/2021/BB/HDQT và Nghị quyết số 10.02/2021/NQ/HDQT-BVG của Hội đồng quản trị Công ty Cổ

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa,
quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

phần Group Bắc Việt ngày 28 tháng 10 năm 2021, Công ty đã hạch toán 16.404.942.295 đồng tương đương với 50% số tiền được đề cập trong Công văn nói trên vào chi phí trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (chi tiết tại Thuyết minh số V.11 và VI.06). Ngoài các tài liệu nêu trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác của chi phí lãi vay này. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư khoản công nợ lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Group Bắc Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.257.701.142	9.498.302.038
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		293.436.642	261.243.849
1.	Tiền	111	V.01	293.436.642	261.243.849
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.916.264.500	9.184.856.393
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.480.515.500	19.500.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	6.600.000.000	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	4.835.749.000	9.165.356.393
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		48.000.000	52.201.796
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	48.000.000	52.201.796
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.002.794.711	64.534.133.429
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		21.213.699.004	21.626.974.697
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	21.213.699.004	21.626.974.697
6.	Phải thu dài hạn khác	213		-	-
II.	Tài sản cố định	220		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	-	-
	- Nguyên giá	222		154.286.000	154.286.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(154.286.000)	(154.286.000)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	2.760.000.000	42.892.105.600
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	39.046.505.600
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.399.123.595	3.845.600.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.639.123.595)	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		29.095.707	15.053.132
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	29.095.707	15.053.132
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		46.260.495.853	74.032.435.467

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		16.742.627.306	6.436.248.656
I.	Nợ ngắn hạn	310		16.742.627.306	6.436.248.656
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	119.046.989	119.046.989
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	6.939.664	42.165.951
4.	Phải trả người lao động	314		65.327.000	115.656.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	16.404.942.295	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	24.714.054	87.722.412
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	1.232.200	5.951.232.200
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn			-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		120.425.104	120.425.104
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.517.868.547	67.596.186.811
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	29.517.868.547	67.596.186.811
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.509.480.000	97.509.480.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		156.827.827	156.827.827
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.037.319	150.037.319
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(68.298.476.599)	(30.220.158.335)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(30.220.158.335)	(24.070.606.202)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		46.260.495.853	74.032.435.467

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	-	1.400.000.000
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	1.400.000.000
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	-	1.210.000.000
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	190.000.000
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.346.348.154	2.614.756.649
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	21.031.986.600	4.952.604.618
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		230.900	68.034.752
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	1.986.197.859	1.523.584.879
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(21.671.836.305)	(3.671.432.848)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	486.706.449
12.	Chi phí khác	32	VI.06	16.406.481.959	2.964.825.734
13.	Lợi nhuận khác	40		(16.406.481.959)	(2.478.119.285)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(3.905)	(631)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(3.905)	(631)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03		2.639.123.595	(2.393.238.578)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(56.000)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		17.046.283.851	(2.076.797.646)
-	Chi phí lãi vay	06		230.900	68.034.752
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	4.368.243.996
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(18.392.679.918)	(6.183.365.609)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.479.607.493	41.638.283.593
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	2.632.211.304
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		16.256.378.650	(269.327.296)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.840.779)	5.550.199
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(230.900)	(68.034.752)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		333.234.546	37.755.317.439
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.600.000.000)	(21.626.974.697)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.700.000.000	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.520.000.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.639.334.500	21.573.296.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.623.747	2.076.797.646
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.798.958.247	503.118.949

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	5.950.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.100.000.000)	(44.780.085.564)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.100.000.000)	(38.830.085.564)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		32.192.793	(571.649.176)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	261.243.849	832.837.025
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	56.000
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	293.436.642	261.243.849

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư, thương mại và sản xuất.

03. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm tài chính và đến thời điểm hiện tại, Công ty tập trung chủ yếu vào việc thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư và sử dụng nguồn tiền để đi cho vay. Công ty không phát sinh các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	-	276.052
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	293.436.642	260.967.797
Cộng	293.436.642	261.243.849

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	39.046.505.600	-	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt ^(a)	-	-	-	39.046.505.600	-	(**)
- Đầu tư vào đơn vị khác	5.399.123.595	(2.639.123.595)	2.760.000.000	3.845.600.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt ^(a)	5.399.123.595	(2.639.123.595)	2.760.000.000 ^(*)	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dầu tư và Công nghệ Hưng Việt ^(b)	-	-	-	3.845.600.000	-	(**)
Cộng	5.399.123.595	(2.639.123.595)	2.760.000.000	42.892.105.600	-	42.892.105.600

(a): Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10.02/2021/BB/HĐQT ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc thông qua giá bán và phương án chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt cho CNCNV Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt và các Hợp đồng mua bán chứng khoán chưa niêm yết với các cá nhân, Công ty chuyển nhượng 2.866.725 cổ phần trên tổng số 3.326.725 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt với giá 6.000 đồng/cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 460.000 cổ phần và chiếm 11,5% cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt. Số tiền Công ty đã thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần là 6.739.334.500 đồng và số tiền công ty còn phải thu là 10.461.015.500 đồng.

(b): Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 2021/HĐCP/BVAM_BVG ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty chuyển nhượng toàn bộ 190.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Thương mại Dầu tư và Công nghệ Hưng Việt với giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đã thu được toàn bộ số tiền từ việc chuyển nhượng cổ phần này.

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá bán cổ phần cho các cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (chi tiết như tại thuyết minh mục a nêu trên).

(**): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá tham chiếu/giá niêm yết cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.480.515.500	19.500.000
- Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	10.461.015.500	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	19.500.000	19.500.000
Cộng	10.480.515.500	19.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT
Tầng 1, số nhà SH01, toà nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (a)	6.600.000.000	-	-	-
<i>Dài hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (b)	21.213.699.004	-	21.626.974.697	-
Cộng	27.813.699.004	-	21.626.974.697	-

(a): Khoản cho vay theo Hợp đồng vay tiền số 28122021/HĐVT/BVI_BVG ngày 28/12/2021 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt với lãi suất là 0%/năm, thời hạn vay 01 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tin chấp.

(b): Khoản cho vay theo hợp đồng số 2901.2019/HĐVT/BVG-BVI ngày 01/01/2019 và Phụ lục hợp đồng số 001/BVG-BVI ngày 01/10/2020 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt với lãi suất là 6%/năm, thời hạn vay 05 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tin chấp. Trong năm, lãi cho vay nhập gốc là 1.286.724.407 đồng.

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
- Tạm ứng	4.835.749.000	-	9.165.356.393	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.645.000	-	254.702.000	-
- Phải thu khác	388.000.000	-	389.000.000	-
	4.392.104.000	-	8.521.654.393	-
+ Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	-	-	3.153.550.393	-
+ Các khoản phải thu khác	4.392.104.000	-	5.368.104.000	-
Cộng	4.835.749.000	-	9.165.356.393	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	154.286.000	154.286.000
- Mua trong năm		-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	154.286.000	154.286.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	154.286.000	154.286.000
- Khấu hao trong năm		-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	154.286.000	154.286.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 154.286.000 đồng.

07. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	48.000.000	52.201.796
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	1.090.000
- Các khoản khác	48.000.000	51.111.796
b. Dài hạn	29.095.707	15.053.132
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	29.095.707	15.053.132
Cộng	77.095.707	67.254.928

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.951.232.200	5.951.232.200	-	5.950.000.000	1.232.200	1.232.200
- <i>Vay đối tượng khác</i>	5.950.000.000	5.950.000.000	-	5.950.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Quản lý Tài sản Bắc Việt	5.950.000.000	5.950.000.000	-	5.950.000.000	-	-
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	1.232.200	1.232.200	-	-	1.232.200	1.232.200
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	1.232.200	1.232.200	-	-	1.232.200	1.232.200
Cộng	5.951.232.200	5.951.232.200	-	5.950.000.000	1.232.200	1.232.200

09. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	119.046.989	119.046.989	119.046.989	119.046.989
Cộng	119.046.989	119.046.989	119.046.989	119.046.989

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	27.828.049	-	27.828.049	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	14.337.902	42.018.000	49.416.238	-	6.939.664
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	42.165.951	45.018.000	80.244.287	-	6.939.664

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	16.404.942.295	-
- Lãi vay phải trả (*)	16.404.942.295	-
Cộng	16.404.942.295	-

(*) Đây là khoản lãi vay từ những năm trước chưa trả Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Thăng Long (PG Bank). Theo Công văn số 101/2021/TB-PGB-CNTL ngày 17 tháng 9 năm 2021 của PG Bank, Công ty phải trả phần lãi vay tạm tính với số tiền là 32.809.884.589 đồng. Công ty đang trong quá trình đàm phán để xin miễn giảm khoản lãi vay này. Theo Biên bản họp số 10.02/2021/BB/HĐQT và Nghị quyết số 10.02/2021/NQ/HĐQT-BVG của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Group Bắc Việt ngày 28 tháng 10 năm 2021, Công ty đã hạch toán 16.404.942.295 đồng tương đương với 50% số tiền được đề cập trong Công văn nói trên vào chi phí trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	24.714.054	87.722.412
- Kinh phí công đoàn	24.714.054	24.714.054
- Bảo hiểm xã hội	-	63.008.358
Cộng	24.714.054	87.722.412

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(24.070.606.202)	73.745.738.944
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(6.149.552.133)	(6.149.552.133)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(30.220.158.335)	67.596.186.811
Số dư đầu năm nay	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(30.220.158.335)	67.596.186.811
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(38.078.318.264)	(38.078.318.264)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	97.509.480.000	156.827.827	150.037.319	(68.298.476.599)	29.517.868.547

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
- Vốn góp của các cổ đông khác	97.509.480.000	100	97.509.480.000	100
Cộng	97.509.480.000	100	97.509.480.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.509.480.000	97.509.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	97.509.480.000	97.509.480.000
- Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.750.948	9.750.948
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
+ Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
+ Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	156.827.827	156.827.827
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.037.319	150.037.319
Cộng	306.865.146	306.865.146

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	100,00	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.400.000.000
Cộng	-	1.400.000.000

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.210.000.000
Cộng	-	1.210.000.000

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.346.348.154	2.076.811.262
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	537.889.387
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	56.000
Cộng	1.346.348.154	2.614.756.649

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	230.900	68.034.752
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính (*)	18.392.632.005	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	8.174.170
- Tổn thất đầu tư tài chính	2.639.123.595	4.876.387.996
- Các khoản chi phí tài chính khác	100	7.700
Cộng	21.031.986.600	4.952.604.618

(*) Trong năm, Công ty thực hiện thanh lý, chuyển nhượng phần vốn góp các khoản đầu tư vào các đơn vị khác. Chi tiết như sau:

	Giá gốc	Giá chuyển nhượng	Lỗ do thanh lý
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	33.647.382.005	17.200.350.000	16.447.032.005
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	3.845.600.000	1.900.000.000	1.945.600.000
Cộng	37.492.982.005	19.100.350.000	18.392.632.005

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	17.727.273
- Các khoản khác	-	468.979.176
Cộng	-	486.706.449

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý tổn thất từ hàng tồn kho, công nợ	-	2.850.297.275
- Các khoản bị phạt	1.539.664	-
- Các khoản khác (*)	16.404.942.295	114.528.459
Cộng	16.406.481.959	2.964.825.734

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay từ những năm trước chưa trả Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Thăng Long (PG Bank). Theo Công văn số 101/2021/TB-PGB-CNTL ngày 17 tháng 9 năm 2021 của PG Bank, Công ty phải trả phần lãi vay tạm tính với số tiền là 32.809.884.589 đồng. Công ty đang trong quá trình đàm phán để xin miễn giảm khoản lãi vay này. Theo Biên bản họp số 10.02/2021/BB/HĐQT và Nghị quyết số 10.02/2021/NQ/HĐQT-BVG của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Group Bắc Việt ngày 28 tháng 10 năm 2021, Công ty đã hạch toán 16.404.942.295 đồng tương đương với 50% số tiền được đề cập trong Công văn nói trên vào chi phí trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.986.197.859	1.523.584.879
- Chi phí nhân viên quản lý	1.604.533.053	1.122.257.792
- Chi phí đồ dùng văn phòng	62.665.280	160.063.591
- Thuế, phí và lệ phí	9.394.948	9.309.876
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.546.083	192.479.811
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	157.058.495	39.473.809
Cộng	1.986.197.859	1.523.584.879

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.905)	(631)

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(38.078.318.264)	(6.149.552.133)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.750.948	9.750.948
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.905)	(631)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân công	1.604.533.053	1.122.257.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.546.083	1.402.479.811
- Chi phí khác bằng tiền	229.118.723	208.847.276
Cộng	1.986.197.859	2.733.584.879

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Năm nay</u>
- Bù trừ công nợ phải thu và phải trả gốc vay	1.850.000.000
- Lãi cho vay nhập gốc	1.286.724.407

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	705.518.000	216.975.077
Cộng	705.518.000	216.975.077

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

Mối quan hệ

Ông Trần Anh Vương là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Group Bắc Việt đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay**Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt**

- Cho vay	6.600.000.000
- Thu nợ gốc vay	1.700.000.000
- Lãi cho vay nhập gốc	1.286.724.407

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt		
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.600.000.000	-
- Phải thu về cho vay dài hạn	21.213.699.004	21.626.974.697
Cộng nợ phải thu	27.813.699.004	21.626.974.697

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	293.436.642	-	261.243.849	-	293.436.642	261.243.849
Phải thu về cho vay	27.813.699.004	-	21.626.974.697	-	27.813.699.004	21.626.974.697
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.872.619.500	-	8.541.154.393	-	14.872.619.500	8.541.154.393
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	5.399.123.595	-	3.845.600.000	-	5.399.123.595	3.845.600.000
Cộng	48.378.878.741	-	34.274.972.939	-	48.378.878.741	34.274.972.939

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	119.046.989	119.046.989	119.046.989	119.046.989
Vay và nợ	1.232.200	5.951.232.200	1.232.200	5.951.232.200
Chi phí phải trả	16.404.942.295	-	16.404.942.295	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	16.525.221.484	6.070.279.189	16.525.221.484	6.070.279.189

(*): Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GROUP BẮC VIỆT

Tầng 1, số nhà SH01, tòa nhà B, Khu đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	119.046.989	-	-	119.046.989
Vay và nợ	1.232.200	-	-	1.232.200
Chi phí phải trả	16.404.942.295	-	-	16.404.942.295
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	16.525.221.484	-	-	16.525.221.484

Số đầu năm

Phải trả cho người bán	119.046.989	-	-	119.046.989
Vay và nợ	5.951.232.200	-	-	5.951.232.200
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	6.070.279.189	-	-	6.070.279.189

05. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tạ Thu Hằng

Tạ Thu Hằng

Lê Văn Cường